

Số: 101/2026/QĐST-DS

Đồng Nai, ngày 05 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 172/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty cổ phần M;

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần M:

1.1. Bà Nguyễn Thị Minh H, Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

1.2. Ông Lê Duy T, Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

1.3. Ông Trần Ngọc H1, Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

1.4. Ông Nguyễn Minh K, Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ liên hệ: Tầng D, Tòa nhà C, D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo uỷ quyền. Văn bản uỷ quyền số 2793/2026/UQ-MARS ngày 15/7/2026.

2. Ngân hàng Thương mại cổ phần V

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần V:

2.1. Ông Nguyễn Văn H2, Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

2.2. Bà Hồ Thị T1, Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ

Địa chỉ liên hệ: Tầng D, Tòa nhà C, D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo uỷ quyền. *Văn bản uỷ quyền số 369/2026/UQ-VPB ngày 12/3/2026.*

- *Bị đơn:* 1. Ông Nguyễn Lâm S, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp X, xã X, thành phố Đ

2. Bà Nguyễn Hoàng Kim N, sinh năm: 1994

Đăng ký thường trú: Tổ A, khu phố C, phường H, thành phố Đ.

Nơi ở hiện nay: Ấp X, xã X, thành phố Đ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Lâm S và bà Nguyễn Hoàng Kim N phải trả cho Công ty Cổ phần M số tiền tạm tính tới ngày 28/7/2026 là: **2.288.236.536** đồng (*Hai tỷ hai trăm tám mươi tám triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm ba mươi sáu đồng*); Trong đó: Nợ gốc là 1.888.543.252 đồng (*Một tỷ tám trăm tám mươi tám triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn hai trăm năm mươi hai đồng*); Nợ lãi là 399.693.284 đồng (*Ba trăm chín mươi chín triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn hai trăm tám mươi bốn đồng*).

Ông Nguyễn Lâm S và bà Nguyễn Hoàng Kim N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm tính tới ngày 28/7/2026 là **120.433.502** đồng (*Một trăm hai mươi triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn năm trăm lẻ hai đồng*); Trong đó: Nợ gốc là 99.397.013 đồng (*Chín mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn không trăm mười ba đồng*); Nợ lãi là 21.036.489 đồng (*Hai mươi một triệu không trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi chín đồng*).

Kể từ ngày 28/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Lâm S và bà Nguyễn Hoàng Kim N còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN2311020757062 ngày 17/11/2023 và Hợp đồng cho vay số LN2412244652009 ngày 08/03/2025.

Nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Nguyễn Lâm S và bà Nguyễn Hoàng Kim N được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 207, tờ bản đồ số 2, tại địa chỉ: ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 030059; Số vào sổ cấp GCN: VP 11467 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 15/11/2023.

Trường hợp ông Nguyễn Lâm S và bà Nguyễn Hoàng Kim N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên, thì Công ty Cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ, thì ông Nguyễn Lâm S và bà Nguyễn Hoàng Kim N vẫn phải tiếp tục trả nợ cho

đến khi thanh toán hết nợ.

2.2. Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Lâm S và bà Nguyễn Hoàng Kim N phải trả cho Công ty Cổ phần M số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*).

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Lâm S và bà Nguyễn Hoàng Kim N chịu 40.086.700 đồng (*Bốn mươi triệu không trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.401.000 đồng (*Ba mươi chín triệu bốn trăm lẻ một ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0007811 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ (Nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 6 - Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- PTHADS khu vực 6 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Quỳnh Hương